

Bản án số: 29/2022/HNGĐ - ST
Ngày 23-9-2022
V/v tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẮNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hải Tăng.
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Tất – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2022/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 về “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ N, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Mạnh C, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ N, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Mạnh C trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 01/3/2016 tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà

Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C thường xuyên cờ bạc, rượu chè, không tu chí làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình, chị và gia đình đã rất nhiều lần khuyên bảo nhưng anh C không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Từ đầu năm 2022 vợ chồng đã li thân nhau và không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống riêng của nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Mạnh C.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Mạnh C trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh với chị Phạm Thị T đúng như chị T đã trình bày. Anh C xác định thời điểm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là từ đầu năm 2021 và đến tháng 7/2022 thì chị T bỏ ra ngoài thuê nhà ở riêng. Nay chị T xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, các con còn nhỏ cần có sự chăm sóc của cả cha lẫn mẹ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh C thống nhất xác định vợ chồng anh chị có hai con chung là Phạm Mạnh Th, sinh ngày 14/4/2016 và Phạm Đức Tr, sinh ngày 25/5/2017, hiện nay cả hai cháu đều đang ở với anh C. Cả chị T và anh C đều xin được nuôi dưỡng các cháu Th, Tr và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Chị T và anh C thống nhất xác định vợ chồng không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị T, anh C thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T xin thay đổi quan điểm về vấn đề nuôi con, chị xin được nuôi cháu Tr, giao cho anh C nuôi cháu Th, hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau, còn các vấn đề khác chị giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và bị đơn đều thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị T: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Phạm Mạnh C. Về con chung: Giao cháu Phạm Mạnh Th, sinh ngày 14/4/2016 cho anh C, giao cháu Phạm Đức Tr, sinh ngày 25/5/2017 cho chị T trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi lao động, tự lập được, chị T, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về án phí: Đương sự chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn là anh Phạm Mạnh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Phạm Mạnh C là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 01/4/2016 tại UBND thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C ham chơi, không tu chí làm ăn, thường xuyên rượu chè, cờ bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi, chửi nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh C; còn anh C mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là thực tế do nguyên nhân anh chơi cờ bạc dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn. Như vậy chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị T được ly hôn anh C là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị T và anh C có hai con chung là Phạm Mạnh Th, sinh ngày 14/4/2016 và Phạm Đức Tr, sinh ngày 25/5/2017, hiện nay cả hai cháu đều đang ở với anh C. Xét yêu cầu về việc nuôi con của anh chị, Hội đồng xét xử thấy rằng nuôi con vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cha mẹ. Xét thấy hiện nay chị T đang làm công nhân thu nhập chỉ ở mức bình thường, lại phải chi phí cho việc thuê nhà ở nên nếu giao cả hai con cho chị T nuôi dưỡng sẽ không phù hợp với điều kiện thực tế; còn anh C mặc dù cũng đang có sức khỏe để lao động và có sự hỗ trợ của mẹ để anh trong việc chăm sóc con, nhưng nếu giao cả hai con cho anh nuôi dưỡng cũng sẽ không phù hợp với điều kiện thực tế. Vì vậy, cần giao cho chị T

được quyền nuôi dưỡng cháu Tr, giao cho anh C được quyền nuôi dưỡng cháu Th, hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con riêng; tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp*: Chị T và anh C cùng thống nhất xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Phạm Mạnh C.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Đức Tr, sinh ngày 25/5/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Phạm Mạnh Th, sinh ngày 14/4/2016 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T, anh C không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị T, anh C cùng các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

3. Án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000163 ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Chị T đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị T biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh C vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND thị trấn Ba Sao;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thọ

